MÔN HỌC
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Copyright © 2009 by UEF

CHUYÊN ĐỀ 9
KẾ TOÁN
HÀNG TỒN KHO

Định nghĩa hàng tồn kho

Hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường;
- Đang trong quá trình SXKD dở dang;
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

(VAS 2)

PP kế toán hàng tồn kho

PP kê khai thường xuyên

PP kiểm kê định kỳ

PP tính giá hàng tồn kho

- Giá vốn hàng bán và giá trị hàng tồn khi cuối kỳ
  - GVHB = Số lượng hàng bán x Đơn giá
  - HTK = Số lượng HTK x Đơn giá
- HTK được mua với các đơn giá khác nhau trong mỗi lần mua.

PP tính giá hàng tồn kho

- Thực tế đính danh
- Nhập trước-xuất trước (FIFO)
- Nhập sau-xuất trước (LIFO)
- Bình quân gia quyền

PP thực tế đích danh

- Mỗi loại hàng tồn kho có thể xác định tách biệt (có thể nhận diện được)
  - Trang sức, xe ô tô

PP nhập trước- xuất trước

- HTK nhập trước *<u>được giả định</u>* xuất trước
  - Giá nhập trước được sử dụng là giá xuất trước
- HTK cuối kỳ bao gồm HTK với giá mua gần nhất

PP nhập sau- xuất trước

- HTK nhập sau *được giả định* xuất trước
  - Giá nhập sau được sử dụng là giá xuất trước
- HTK cuối kỳ bao gồm HTK với giá mua cũ nhất

PP bình quân gia quyền

- Các công thức

$$\frac{\text{Giá trị (HTK đầu kỳ + HTK mua trong kỳ)}}{\text{Số lượng (HTK đầu kỳ + HTK mua trong kỳ)}} = \textbf{Đơn giá bình quân}$$

Đơn giá bình quân x SL hàng bán = **Giá vốn hàng bán**

Đơn giá bình quân x SL HTK = **Giá trị HTK cuối kỳ**

PP tính giá hàng tồn kho

Công ty HD chuyên cung cấp các thiết bị văn phòng. Vào ngày 1 tháng 3, công ty còn tồn kho 8 máy in hiệu ZP trị giá $175/máy.

- Ngày 20.3, công ty mua vào 20 máy in ZP với giá mua $200/máy.

- Vào ngày 22.3, công ty HD bán 10 máy ZP cho khách hàng giá bán $250/máy. Giá vốn hàng bán là $175/máy hay $200/máy

PP tính giá hàng tồn kho

PP Nhập trước, Xuất trước (First-In, First-Out)

Giả định là hàng tồn kho được mua trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua gần thời điểm cuối kỳ

01.03	8 máy @ $175 / máy
20.03	20 máy @ $200 / máy

Bán 10 máy

Sử dụng phương pháp Nhập trước, Xuất trước, giá vốn hàng bán được xác định là:

(8 máy x $175) + (2 máy x $200) = $1,800

PP tính giá hàng tồn kho

PP Nhập sau, Xuất trước (Last-In, First-Out)

Giả định là hàng tồn kho được mua sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua trước đó

01.03	8 máy @ $175 / máy
20.03	20 máy @ $200 / máy

Bán 10 máy

Sử dụng phương pháp Nhập sau, Xuất trước, giá vốn hàng bán được xác định là:

(10 máy x $200) = $2,000

PP tính giá hàng tồn kho

PP Bình quân gia quyền (Weighted-Average)

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua trong kỳ.

01.03	8 máy @ $175 / máy
20.03	20 máy @ $200 / máy

Bán 10 máy

Sử dụng phương pháp Bình quân gia quyền, giá vốn bình quân được xác định là:

(8 x $175)+(20 x $200)/(8+20) = $192.86

Giá vốn hàng bán = $192.86 x 10 máy = $1,928.60

PP tính giá hàng tồn kho

Xác định giá vốn hàng bán của công ty BY theo 3 phương pháp: Nhập trước- xuất trước; Nhập sau- xuất trước; Bình quân gia quyền

Tháng 5 1	Tồn đầu tháng	150	$20.00	$ 3,000
8	Mua vào	3,000	20.30	60,900
18	Mua vào	3,000	20.60	61,800
20	Bán ra	5,200		
28	Mua vào	3,000	20.90	62,700
31	Bán ra	3,600		
Tổng cộng hàng có sẵn để bán				$188,400

Ước tính HTK và thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi thế khi áp dụng phương pháp LIFO là lá chắn thuế đối với nhiều công ty.

So sánh kết quả kinh doanh

Năm 20x8	FIFO	LIFO
Doanh thu	$3,235,600	$3,235,600
Giá vốn hàng bán	(1,946,800)	(1,954,300)
Lãi gộp	1,288,800	1,281,300
Chi phí tài chính	(20,400)	(20,400)
Chi phí bán hàng và QLDN	(1,094,700)	(1,094,700)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	173,700	166,200
Chi phí thuế TNDN	(52,110)	(49,860)
Lợi nhuận thuần	$ 121,590	$116,340

Giá gốc HTK và giá thị trường

VAS 2, đoạ giá trị
thuần có thể ho nhỏ
hơn giá gố hàng
tồn kho. Số được
lập là số chen g tồn
kho lớ n giá trị thuần có thể thực hiện được
của chúng

Yêu cầu này là báo cáo theo nguyên tắc ***mức thấp hơn giữa giá gốc và giá thị trường***

Giá gốc HTK và giá thị trường

Công ty TC mua 500 tr.đ hàng hóa vào ngày 16.3.20x9. Vào cuối năm 20x9, giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho ước tính là 460 tr.đ. Ghi nhận việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Ngày	Nghiệp vụ	TKĐỨ	Nợ	Có
31.12	Giá vốn hàng bán	632	**40**	
	Dự phòng giảm giá HTK	159		**40**
	Dự phòng giảm giá HTK			

Trình bày trên báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

Tài sản ngắn hạn:

Hàng tồn kho	xxxx
Dự phòng giảm giá HTK	(xxx)
Giá trị thuần có thể thực hiện	xxx

Kết thúc phần 9